

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/DS-ST.

Ngày: 15 - 10 - 2018.

“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hai

2. Ông Phùng Hiếu Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ly Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2018/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 9 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2018/QĐST-DS, ngày 27 tháng 9 năm 2018; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 89/2018/QĐST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2018; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 90/2018/QĐST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Anh Nguyễn Phi L, sinh năm 1974

1.2. Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1977; cùng trú tại: Tổ 4, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp:

- Bà Võ Thị N, sinh năm 1957; trú tại: Số nhà 159, Khóm H, Phường 4, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Dương Minh T1, sinh năm 1988; trú tại: Số nhà 6/4, Khóm B, Phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 12 năm 2017).

2. *Bị đơn*: Chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1971; trú tại: Số nhà 353, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Võ Thanh V, sinh năm 1966; trú tại: Số nhà 353, ấp K, xã T thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Bà N, anh T1, ông V có mặt tại phiên tòa, bà H vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn anh Nguyễn Phi L; chị Nguyễn Ngọc T- người đại diện theo ủy quyền bà Võ Thị N và anh Dương Minh T1 trình bày :*

Ngày 07/12/2015 anh Nguyễn Phi L có cho chị Lê Thị Mỹ H vay số tiền là 630.000.000đồng, khi vay chị H có làm biên nhận. Theo thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng, thời hạn vay 15 ngày, mục đích vay là để đảo nợ Ngân hàng. Khi làm biên nhận chỉ có chị H ký tên, nhưng khi giao tiền thì có anh V cùng nhận. Từ khi vay đến nay chị H không trả vốn và lãi cho anh L. Số tiền cho chị H, anh V vay là tài sản chung của anh L, chị T. Sau khi hết hạn vay chị H, anh V có hẹn nhiều lần nhưng không trả nợ. Anh L đã làm đơn yêu cầu Công an thành phố Sa Đéc xử lý hình sự đối với chị H, nhưng sau đó Công an không khởi tố vụ án hình sự nên anh L, chị T khởi kiện dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Phi L, chị Nguyễn Ngọc T yêu cầu chị Lê Thị Mỹ H và anh Võ Thanh V liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ là 630.000.000đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng phát sinh từ ngày 07/12/2015 tạm tính đến ngày 07/10/2018 là 34 tháng, số tiền 160.650.000đồng, tổng vốn và lãi là 790.650.000đ.

** Bị đơn chị Lê Thị Mỹ H đã bỏ địa phương đi trước khi Tòa án thụ lý vụ án.* Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định. Nguyên đơn cũng đăng tin trên báo, đài tìm kiếm nhưng hết thời hạn đăng tin tìm kiếm chị H vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Thanh V trình bày:*

Anh V là chồng của chị Lê Thị Mỹ H, vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1991- 1992, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống được 02 con chung. Vợ chồng và con anh đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 353, ấp K, xã

T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên, khoảng đầu năm 2016 thì chị H gây nợ nên bỏ đi không chung sống với anh V nữa.

Sau khi chị H vỡ nợ, Công an mời làm việc thì anh V mới biết chị H vay nợ của nhiều người không trả. Trong đó có nợ của anh Nguyễn Phi L số tiền 630.000.000đồng.

Nay anh V đồng ý liên đới cùng chị H trả số tiền vốn và lãi theo yêu cầu của anh L và chị T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử :

-Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa :

-Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

-Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng chị H không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 3 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới”;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 quy định:

“ 2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:

a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “ đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở” . Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2, Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”.

Qua đó, cho thấy chị H là người có nghĩa vụ trong việc vay tiền của anh L nhưng bỏ địa phương đi không thông báo nơi cư trú mới cho anh L, chị T biết nên xem đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ của bị đơn. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình thụ lý, giải quyết, phía nguyên đơn đã đăng tin thông báo tìm kiếm chị H trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định nhưng vẫn không có tin tức gì của chị H. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị Mỹ H.

[2] về nội dung: Xét yêu cầu của anh Nguyễn Phi L, chị Nguyễn Ngọc T yêu cầu chị Lê Thị Mỹ H và anh Võ Thanh V liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ là 630.000.000đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng phát sinh từ ngày 07/12/2015 tạm tính đến ngày 07/10/2018 là 34 tháng, số tiền 160.650.500 đồng, tổng vốn và lãi là 790.650.000đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Giao dịch vay tiền giữa anh L, chị H được xác lập trong mốc thời gian từ ngày 01/01/2006 (ngày Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực) đến trước ngày 01/01/2017(ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực) nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ anh L, chị T cung cấp cũng như tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên nhận nợ ngày 07/12/2015 của chị Lê Thị Mỹ H đã ghi vay của vợ chồng anh L, chị T số tiền 630.000.000đồng; Lời khai của chị Lê Thị Mỹ H tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp ngày 02/8/2016; ngày 04/4/2017; ngày 10/5/2017; ngày 23/5/2017; Biên bản đối chiếu nợ giữa anh Nguyễn Phi L và chị Lê Thị Mỹ H ngày 30/3/2017 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp chị Lê Thị Mỹ H đã thừa nhận có nợ của anh Nguyễn Phi L số tiền 630.000.000đồng. Từ thời gian nêu trên đến nay anh L, chị T xác định chị H không có trả vốn và lãi. Chị H bỏ địa phương đi, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã có trả tiền vốn vay và tiền lãi cho anh L và chị T. Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị H có vay tiền của anh L, chị T và còn nợ số tiền 630.000.000đồng là sự thật.

Đối với việc anh Nguyễn Phi L và chị Nguyễn Ngọc T yêu cầu anh Võ Thanh V liên đới cùng chị H trả nợ vay. Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh V và chị H chung sống từ năm 1991- 1992, tuy không có đăng ký kết hôn nhưng đã có con chung. Anh V xác định mặc dù số tiền chị H vay không mang về sử dụng chung trong gia đình, nhưng anh V tự nguyện có trách nhiệm cùng chị H trả nợ cho anh L và chị T. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của anh L, chị T yêu cầu anh V liên đới cùng chị H trả nợ.

Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

“ 1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác ”

Căn cứ quy định của pháp luật và trên cơ sở phân tích, đánh giá các chứng cứ nêu trên đã có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Phi L và chị Nguyễn Ngọc T nên buộc chị H, anh V phải trả cho anh L, chị T số tiền vốn vay 630.000.000đồng là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của anh L, chị T yêu cầu chị H, anh V trả lãi phát sinh của số tiền vốn vay 630.000.000đồng từ ngày 07/12/2015 đến ngày 07/10/2018 với mức lãi suất 0,75%/tháng số tiền là 160.650.000đồng , nhận thấy:

Khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

“ 2. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ ”.

Anh L, chị T trình bày các bên thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng, thời hạn vay 15 ngày nhưng Biên nhận nợ ngày 07/12/2015 không ghi thời hạn và mức lãi suất.

Trên cơ sở đó, xác định giao dịch vay tiền giữa anh L, chị T với chị H là không xác định thời hạn. Về lãi suất do các bên không có chứng cứ chứng minh về mức lãi suất nên áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Công bố là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt nam quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm tương ứng với 0,75%/ tháng.

Theo đó, chị H vay tiền của anh L, chị T ngày 07/12/2015 đến ngày 07/10/2018 là 34 tháng. Số tiền lãi phát sinh xác định cụ thể như sau: 630.000.000đồng x 0,75%/ tháng x 34 tháng = 160.650.000đ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của anh L, chị T, buộc chị H, anh V phải trả cho anh L, chị T số tiền lãi 160.650.000 đồng là phù hợp quy định của pháp luật. Qua đó, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh L, chị T. Buộc chị H, anh V liên đới trả cho anh L, chị T tổng số tiền là 790.650.000 đồng.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quy định về nghĩa vụ chịu án phí: Do chấp nhận toàn bộ

yêu cầu của nguyên đơn nên chị H, anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu được chấp nhận. Đây là vụ án dân sự có giá ngạch. Theo đó, chị H, anh V phải trả cho anh L, chị T tổng số tiền là 790.650.000đồng, mức án phí chị H, anh V phải chịu theo quy định là: “*Từ trên 400.000.000đồng đến 800.000.000đồng thì mức án phí là 20.000.000đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000đồng*”. Vì vậy, chị H, anh V liên đới nộp 35.626.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về chi phí tố tụng khác: anh L, chị T nộp toàn bộ chi phí đăng tin trên báo đài tìm kiếm đối với chị H là 3.300.000đồng (đã nộp xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phi L và chị Nguyễn Ngọc T.

Buộc chị Lê Thị Mỹ H và anh Võ Thanh V liên đới có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Phi L và chị Nguyễn Ngọc T số tiền vốn vay là 630.000.000đồng, tiền lãi 160.650.000đồng, tổng cộng: 790.650.000đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lê Thị Mỹ H và anh Võ Thanh V phải nộp 35.626.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Phi L được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 22/11/2017 theo biên lai số 01239, số tiền 18.901.000đồng (*Mười tám triệu chín trăm lẻ một nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

Về chi phí tố tụng khác: anh Nguyễn Phi L và chị Nguyễn Ngọc T nộp toàn bộ chi phí đăng tin trên báo đài tìm kiếm đối với chị Lê Thị Mỹ H là 3.300.000 đồng (đã nộp xong).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Nguyễn Phi L và chị Nguyễn Ngọc T mà chị Lê Thị Mỹ H và anh Võ Thanh V chưa thi hành xong các khoản tiền phải trả cho anh L, chị T thì hàng tháng chị H, anh V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Lê Thị Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPSĐ;
- THA.TP. Sa Đéc;
- Tòa án tỉnh ĐT;
- Vphòng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Kiều